MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TÂY NAM BỘ

Trần Văn Hoàng¹, Nguyễn Thị Hồng Hạnh²

ECONOMIC DEVELOPMENT CONCERNS IN SOUTH OF WEST VIET NAM

Tran Van Hoang¹, Nguyen Thi Hong Hanh²

Tóm tắt – Tây Nam Bộ là trung tâm nông nghiệp lớn nhất của Việt Nam, sản lượng sản xuất nông nghiệp của vùng không chỉ góp phần đảm bảo an ninh lương thực của đất nước mà nó còn đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu của đất nước. Tuy nhiên, trong khi nhiều vùng khác đang ngày càng phát triển nhanh chóng, vùng Tây Nam Bộ lại đang ngày càng trở nên “hụt hơi”. Nghiên cứu này sẽ tập trung tìm hiểu những hạn chế, bất cập trong tăng trưởng kinh tế của Tây Nam Bộ. Kết quả phân tích cho thấy, dưới tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu cùng với sự dịch chuyển cơ cấu chậm chạp và thiếu nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng đã khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, hiện tượng xuất cư ròng trong một thời gian dài khiến vùng thiếu hụt nguồn lao động để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Cơ sở hạ tầng hạn chế cùng với sự thiếu hụt nguồn lao động về cả số lượng và chất lượng khiến môi trường đầu tư của vùng Tây Nam Bộ trở nên kém hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng tới kì vọng phát triển của vùng.

Từ khóa: biến đổi khí hậu, đô thị hóa, tăng trưởng kinh tế, Tây Nam Bộ.

Abstract – The Southwest region is Viet Nam’s largest agricultural center, which not only ensures the country’s food security, but also contributes to the country’s exports. However, while many other regions are growing rapidly, the Southwest region is steadily behind in economic output. This study will focus on understanding the limitations and shortcomings in economic growth of the Southwest region. The results of the analysis showed that, under the negative impact of climate change along with sluggish restructuring, and lack of resources to invest in infrastructure, the economic growth rate of the region is slow and difficult. In addition, the phenomenon of net migration over time has made the region short of labor resources to meet the development needs of enterprises. Limited infrastructure along with a shortage of labor resources in both quantity and quality make the investment environment of the Southwest less attractive to investors. This seriously affects the region’s development expectations.

Keywords: climate changes, economic growth, South-West Viet Nam, urbanization.

¹ Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

² Văn phòng Chính phủ (Việt Nam)
Ngày nhận bài: 5/8/2020; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 27/8/2020; Ngày chấp nhận đăng: 17/9/2020
Email: tranvanhoang11@gmail.com

¹ Viet Nam Institute of Economics, Viet Nam Academy of Social Sciences

² Office of the Government (Viet Nam)
Received date: 5th August 2020; Revised date: 27th August 2020; Accepted date: 17st September 2020

I. MỞ ĐẦU

Vùng Tây Nam Bộ là một khu vực đặc biệt của Việt Nam. Với thổ nhưỡng màu mỡ, nơi đây là trung tâm nông nghiệp lớn nhất

cả nước. Vùng Tây Nam Bộ ở một vị trí trọng yếu trong con đường giao thương của khu vực Đông Nam Á, nơi đây hội tụ những lợi thế lớn để có thể trở thành một vùng phát triển bậc nhất cả nước về du lịch, nông nghiệp công nghệ cao và thậm chí là trung tâm thương mại của khu vực Đông Nam Á giống như Singapore. Tuy nhiên, Tây Nam Bộ cũng là khu vực hứng chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu, thậm chí theo một số dự báo, nếu không có các hành động kịp thời thì toàn vùng sẽ nằm dưới mực nước biển trong tương lai.

Với những đặc điểm đó, bài toán đặt ra là cần làm gì để phát huy tối đa những tiềm năng của vùng song song với những hành động kịp thời để bảo vệ sự tồn tại của vùng trước những thách thức của biến đổi khí hậu. Bài báo phân tích thực trạng của vùng Tây Nam Bộ kể từ Đổi mới (1986) tới nay để tìm ra những điểm nghẽn hạn chế sự phát triển của vùng.

II. NỘI DUNG

A. Thực trạng phát triển kinh tế – xã hội của Tây Nam Bộ từ sau Đổi mới

- Tăng trưởng kinh tế

Tây Nam Bộ là vùng “đi trước, về sau” trong phát triển kinh tế. Trong những năm đầu sau khi Đổi mới, Tây Nam Bộ là một trong những khu vực chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế. Tuy nhiên, cùng với quá trình mở cửa và sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế nhanh chóng của đất nước, từ dựa vào nông nghiệp sang công nghiệp, vùng Tây Nam Bộ đánh mất dần lợi thế. Tây Nam Bộ đang dần bị vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung bỏ lại kể từ năm 2013 với khoảng cách ngày càng được nới rộng. Đây là minh chứng rõ ràng nhất cho sự tụt hậu về kinh tế của vùng Tây Nam Bộ (Hình 1).

Năm 1995, quy mô kinh tế của vùng Tây Nam Bộ (đo bằng GRDP) đạt 43 nghìn tỉ đồng, đứng thứ ba cả nước, sau vùng Đông Nam Bộ (62 nghìn tỉ) và vùng Đồng bằng sông Hồng (47 nghìn tỉ) và lớn hơn nhiều so

với các khu vực còn lại. Trong 17 năm tiếp theo, tuy Tây Nam Bộ vẫn là vùng có quy mô kinh tế lớn thứ ba cả nước sau hai trung tâm kinh tế đầu tàu cả nước nhưng vùng mất dần vị thế so với các vùng khác. Năm 2012, quy mô kinh tế của vùng đạt 510 nghìn tỉ đồng – tương đương 60% vùng Đồng bằng sông Hồng và bằng 1/3 vùng Đông Nam Bộ. Và tới năm 2013, Tây Nam Bộ tụt xuống vị trí thứ tư trong cả nước, xếp sau cả vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Kể từ đây, khoảng cách phát triển giữa hai vùng tiếp tục được nới rộng, đẩy Tây Nam Bộ lún sâu vào nhóm ba vùng có kinh tế chậm phát triển nhất cả nước.

Giai đoạn 1995-2000, Tây Nam Bộ tăng trưởng bình quân 3,5%/năm, mức tăng trưởng này chỉ cao hơn hai vùng Tây Nguyên và Trung du và Miền núi phía Bắc. Trong 10 năm tiếp theo (2001-2010), Tây Nam Bộ là vùng có mức tăng trưởng thấp nhất cả nước. Trong ba năm gần đây nhất, mức tăng trưởng của vùng chỉ cao hơn vùng Đông Nam Bộ (Bảng 1).

Ở một diễn biến khác, việc tăng trưởng kinh tế không theo kịp sự mở rộng dân số của vùng Tây Nam Bộ khiến tổng sản phẩm bình quân đầu người cải thiện chậm – hầu như ở dưới mức trung bình cả nước. Kể từ sau năm 1995, GRDP bình quân đầu người của vùng thường dao động mức 80% GDP bình quân cả nước. Năm 2010, GRDP bình quân đầu người của Tây Nam Bộ đạt 20,7 triệu đồng, tương đương 83,5% bình quân cả nước. Đây là tỉ lệ cao nhất trong một thập kỉ gần đây.

- Đầu tư phát triển và đô thị hóa

Tây Nam Bộ là một trong những khu vực có tổng vốn đầu tư nhà nước thấp nhất cả nước. Xu hướng đầu tư nhà nước tại đây chia làm hai giai đoạn. Ở giai đoạn thứ nhất (1996-2014), xu hướng đầu tư năm sau tăng cao hơn năm trước, với tốc độ ngày càng tăng dần. Tuy nhiên, trong giai đoạn sau đó (2015-2018), mức đầu tư nhà nước giảm dần (Hình 2).

Vốn đầu tư nhà nước đóng vai trò nền tảng

Hình 1: GRDP của các vùng kinh tế giai đoạn 1995-2018

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ niên giám thống kê)

Bảng 1: Tăng trưởng bình quân GRDP các vùng giai đoạn 1995-2018

Đơn vị tính: %

Giai đoạn	1995-2000	2001-2005	2006-2010	2011-2015	2016-2018
Tây Nam Bộ	3,5	6,3	7,9	7,9	7,0
Đồng bằng sông Hồng	6,3	8,1	14,0	9,0	10,0
Trung du và Miền núi phía Bắc	3,4	6,7	11,3	8,1	9,0
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	4,6	7,2	9,4	8,9	7,9
Tây Nguyên	2,4	8,1	15,1	7,3	7,9
Đông Nam Bộ	10,9	9,5	13,8	8,1	6,1

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ niên giám thống kê)

đối với sự phát triển kinh tế; cung cấp những hạ tầng và dịch vụ công cộng cần thiết cho phát triển, như hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục và các hạ tầng mềm. Đặc biệt, đối với những khu vực có điều kiện tự nhiên ngày càng chịu những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu như vùng Tây Nam Bộ, vốn đầu tư nhà nước vẫn được xem là “vốn môi” để hấp dẫn đầu tư tư nhân. Do đó, xu hướng sụt giảm đầu tư công trong vài năm gần đây cho vùng Tây Nam Bộ gây ra những thách thức đối với chiến lược phát triển kinh tế của vùng trong giai đoạn tới.

Cơ sở hạ tầng kém phát triển là nguyên nhân chính khiến các địa phương trong vùng gặp khó trong việc thu hút đầu tư tư nhân cả trong nước và quốc tế.

Tây Nam Bộ là một trong ba vùng có đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thấp nhất cả nước. Trong giai đoạn 1988-2010, Tây Nam Bộ đã thu hút 657 dự án FDI với số vốn đăng kí gần 9,9 tỉ USD và vốn đầu tư thực hiện đạt gần 30% (chỉ tính phần vốn còn hiệu lực), tương đương 4,8% tổng số dự án FDI so cả nước, bằng 4,6% tổng số vốn đăng kí trên cả nước và chiếm 5% tổng đầu tư xã hội

Bảng 2: Tổng sản phẩm và tỉ trọng đóng góp của vùng Tây Nam Bộ vào GDP cả nước

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	1995	2000	2005	2010	2015	2016	2017	2018
GDP* (tỉ vnd)	195.567	273.666	393.031	2.157.828	2.875.856	305.447	3.262.548	3.493.399
GRDP* (tỉ vnd)	49.572	78.858	108.703	335.696	494.115	528.324	561.639	598.763
GDP/người ** (ng.vnd)	2.716	5.689	10.098	24.818	45.719	48.577	53.442	58.546
GRDP/người**(ng.vnd)	2.769	4.314	8.355	20.742	35.138	37.983	41.528	45.968
Tăng trưởng GDP (%)	9,5	6,8	8,4	6,4	6,7	6,2	6,8	7,1
Tăng trưởng GRDP (%)	4,9	9,8	6,3	9,1	7,2	6,9	6,3	6,6
Tỉ trọng đóng góp (%)	25,3	28,8	27,7	15,6	17,2	17,3	17,2	17,1

Ghi chú: GDP (tổng sản phẩm trong nước); GDP/Người (tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người); Đơn vị: GDP và GRDP (tỉ đồng); GDP/Người (nghìn đồng); tốc độ tăng trưởng GDP và GRDP (%) (*): Giá trị năm 1995 và 2000 tính theo giá so sánh 1994; giá trị năm còn lại tính theo giá so sánh 2010.
(Nguồn: Tính toán và tổng hợp từ niên giám thống kê của các tỉnh, thành phố vùng Tây Nam Bộ qua các năm)

Hình 2: Tổng vốn đầu tư nhà nước chia theo vùng

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ niên giám thống kê)

của vùng. Riêng trong giai đoạn 2006-2010, vùng thu hút được 358 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 7,61 tỉ USD. Đến cuối năm 2010, toàn vùng có 17 khu công nghiệp đóng trên địa bàn 13 tỉnh, thành phố của vùng với 225 dự án đầu tư, trong đó có 75 dự án đầu tư nước ngoài – tương đương 1/3 tổng số dự án. Trong đó, có 05 khu công nghiệp đạt tỉ lệ lấp đầy 100%, giải quyết việc làm cho hơn 70 nghìn lao động [1].

Thậm chí, kể từ năm 2013 tới nay, với sự tăng trưởng đột biến của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, Tây Nam Bộ đã rơi xuống vị trí áp chót trong cuộc đua thu hút vốn ngoại (Hình 3).

Tính đến cuối năm 2018, Tây Nam Bộ có 1.535 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký 21,46 tỉ USD, chiếm 5,6% tổng số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và tương đương 6,3% tổng số vốn đăng ký của cả nước. Kết quả này là một dấu hiệu tích cực về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của vùng so với năm năm trước.

Ngoài ra, Tây Nam Bộ cũng chưa thực sự hấp dẫn so với các vùng khác trong việc thu hút nguồn vốn tư nhân vào đầu tư phát triển. Hình 5 thể hiện rõ sự “hụt hơi” của đầu tư tư nhân của vùng so với các trung tâm kinh tế lớn của đất nước.

- Tuy xuất khẩu tăng trưởng nhanh nhưng vẫn còn khiêm tốn

Từ những năm 1996-2010, Tây Nam Bộ xuất khẩu đạt trên 42,5 tỉ USD, riêng năm 2010 xuất khẩu đạt trên 6,7 tỉ USD, chiếm gần 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Sản phẩm xuất khẩu của vùng chủ yếu là mặt hàng gạo (chiếm 90%) và thủy hải sản (sơ chế, chiếm 60%) [2]. Giai đoạn 2011-2018, Tây Nam Bộ chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tăng trưởng bình quân 18,1% so với cả nước chỉ 11,8%, nhưng nếu tính bình quân đầu người, đến thời kỳ này chỉ đạt gần 90 USD/người/năm, thấp hơn nhiều bình quân cả nước (khoảng 220 USD/người/năm).

Ở một diễn biến khác, kim ngạch nhập khẩu của Tây Nam Bộ chỉ chiếm 3,2% tổng

kim ngạch cả nước (2010). Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nguyên vật liệu phục vụ sản xuất như phân bón, hóa chất, thiết bị, xăng dầu.

- Tốc độ đô thị hóa chậm chạp

Về đô thị hóa, dân số Tây Nam Bộ năm 1995 là hơn 15,5 triệu người, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 6,0%, đến năm 2018, dân số toàn vùng đạt 17,8 triệu người, chiếm khoảng 19% tổng dân số cả nước. Đây là vùng đông dân thứ ba cả nước, sau Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Tuy nhiên, đây là vùng có tốc độ đô thị hóa thấp nhất cả nước. Trong giai đoạn 2011-2018, ngoại trừ năm 2011 có tốc độ đô thị hóa đạt 4,5%, tốc độ đô thị hóa của vùng đều dưới 4%. Hơn nữa, tốc độ đô thị hóa đang có xu hướng giảm dần. Năm 2014, tốc độ đô thị hóa đạt mức cao thứ hai của cả giai đoạn với tỉ lệ 3,9%. Nhưng kể từ đó, tỉ lệ này giảm dần theo từng năm và đến năm 2018, chỉ còn 0,6%.

Tỉ suất xuất cư bình quân khoảng 6,7‰/năm; từ năm 2005 đến năm 2017, tổng số người nhập cư khoảng 250 nghìn người, trong khi xuất cư khoảng 1,2 triệu người – chủ yếu là đến vùng Đông Nam Bộ [6].

B. Một số vấn đề đặt ra

- Dịch chuyển cơ cấu kinh tế chậm, không đồng đều và chất lượng tăng trưởng chưa cao

Giai đoạn 2011-2018, với sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế hàng năm tương đối chậm (chỉ trên dưới 1,0%), xu hướng chung là sự chuyển dịch giữa lĩnh vực dịch vụ và nông nghiệp, trong khi lĩnh vực công nghiệp không có bước phát triển đột phá. Năm 2011, nông nghiệp là lĩnh vực chủ đạo, chiếm 40,5% quy mô kinh tế vùng, đến năm 2018, nông nghiệp chỉ còn chiếm 31,2%, nhường vị trí đứng đầu cho lĩnh vực dịch vụ (41,3%). Trong khi đó, lĩnh vực công nghiệp vẫn chỉ chiếm dưới 30% quy mô kinh tế của vùng.

Tuy nhiên, sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế diễn ra không đồng đều giữa các tiểu vùng. Tiểu vùng Duyên hải phía Đông và tiểu vùng

Hình 3: Đầu tư trực tiếp nước ngoài chia theo vùng
(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ niên giám thống kê)

Hình 4: Tổng vốn đầu tư khu vực tư nhân trong nước phân theo vùng
(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ niên giám thống kê)

Bảng 3: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Tây Nam Bộ giai đoạn 1996-2010

Đơn vị tính: %

Nội dung	1996-2000	2001-2005	2006-2010	1996-2010
Xuất khẩu (tỉ vnd)	6.5337	10.451,14	25.587,265	42.572,105
Nhập khẩu (tỉ vnd)	1.757,9	2.762,8	10.203,445	14.734,145
Tổng kim ngạch (tỉ vnd)	8.301,6	13.213,94	35.790,71	57.306,25

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [2]-[5])

Hình 5: Tỷ lệ di cư thuần của các vùng của Việt Nam giai đoạn 2005-2018

(Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ [3], [5], [7], [8])

Bán đảo Cà Mau là trung tâm nông nghiệp của Tây Nam Bộ, trong khi tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên thiên về phát triển các ngành dịch vụ và tiểu vùng Đồng Tháp Mười tập trung phát triển các ngành công nghiệp và xây dựng [9]-[18].

Việc cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng hiện đại với tốc độ khiêm tốn khiến chất lượng tăng trưởng kinh tế còn hạn chế. Điều này thể hiện rõ nét ở mức thu nhập bình quân đầu người của vùng duy trì ở mức thấp trong một thời gian dài và không có bước tiến lớn nào kể từ năm 2010 đến nay.

- *Thiếu nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển*

Như đã phân tích ở trên, một trong những vấn đề lớn cản trở sự phát triển kinh tế ở Tây Nam Bộ là do cơ sở hạ tầng yếu kém. Với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, việc phát triển giao thông đường bộ gặp khó khăn; đồng thời, giao thông đường sắt khó có thể phát triển. Trong khi đó, giao thông đường sông, đường biển chưa phát triển đúng với tiềm năng. Thực tế này khiến việc lưu thông hàng hóa giữa Tây Nam Bộ với cực tăng trưởng phía Nam là vùng Đông Nam Bộ bị hạn chế.

Việc hạ tầng giao thông chậm phát triển là do thiếu vốn. Nguồn vốn đầu tư công hạn

chế khiến Tây Nam Bộ không thể đầu tư phát triển các cơ sở hạ tầng cứng để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư. Điều này dẫn tới đầu tư tư nhân của vùng cũng rất hạn chế. Số lượng doanh nghiệp và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Tây Nam Bộ là một trong hai vùng thấp nhất cả nước. Doanh nghiệp luôn đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế và với một hệ thống doanh nghiệp mỏng về số lượng, kém về chất lượng, Tây Nam Bộ rất khó có thể tạo ra đột phá trong phát triển [22].

- *Đô thị hóa, xuất cư ròng và nguy cơ thiếu nguồn lao động*

Tình trạng dịch cư lớn diễn ra song song với quá trình chuyển đổi kinh tế nông nghiệp, nông thôn, cùng với tình trạng nhiều nông dân bị mất ruộng đất, lượng lao động dư thừa theo mùa, cũng như có sự chuyển dịch lao động sang các ngành cần nhiều nhân công hơn. Làn sóng di cư hiện đang gia tăng trong một thập niên qua đã khiến vùng Tây Nam Bộ mất đi 01 triệu dân, trong khi chỉ có khoảng 700 nghìn dân đến định cư ở đây. Tỷ lệ này cao gấp đôi trung bình của cả nước [23].

Ngoài ra, biến đổi khí hậu cũng khiến tốc độ xuất cư tăng nhanh. Theo Lê Thị Kim Oanh và Huỳnh Thị Ngọc Tuyết [24], 14,5% di dân đi tìm nơi cư trú khác do ảnh hưởng

Hình 6: Cơ cấu kinh tế các tiểu vùng của Tây Nam Bộ giai đoạn 2011-2018

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [11]-[21])

của biến đổi khí hậu, tức là tương đương với 24 nghìn người mỗi năm. Con số thực tế rất có thể là cao hơn, vì tình trạng di dân còn có quan hệ chặt chẽ với nạn nghèo khó.

Xuất cư ròng là nguyên nhân lí giải vì sao Tây Nam Bộ có tốc độ đô thị hóa không tăng hoặc tăng thấp. Điều này đặt ra vấn đề cho các nhà hoạch định chính sách khi phát triển đô thị trong thời gian tới.

Nguồn nhân lực chất lượng cao có xu hướng tập trung và hướng tới các trung tâm kinh tế hay nói cách khác là các đô thị hoặc vùng đô thị lớn, nơi cung cấp cho họ các cơ hội việc làm với thu nhập tốt hơn và đi kèm với đó là các tiện ích, các dịch vụ tận

hưởng cuộc sống tốt hơn. Thực vậy, Hình 8 thể hiện tỉ lệ di cư thuần của các vùng trong giai đoạn 2005-2018. Qua Hình 8, chúng ta dễ nhận thấy vùng Đông Nam Bộ, trung tâm là Thành phố Hồ Chí Minh – trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước cùng các thành phố công nghiệp phụ cận như Bình Dương, là trung tâm thu hút nguồn lao động đổ về học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm. Tiếp theo là vùng Đồng bằng sông Hồng. Tuy đây không phải là vùng có tỉ lệ nhập cư ần tượng như của Đông Nam Bộ nhưng đây cũng là vùng có tỉ lệ nhập cư ròng lớn hơn. Trong khi đó, các khu vực còn lại với nền kinh tế kém hơn là các vùng chứng kiến sự sụt giảm quy mô lao

động rông. Trong đó, Tây Nam Bộ là khu vực có tỉ lệ xuất cư rông lớn nhất trong sáu vùng của cả nước. Nguyên nhân chính dễ được chỉ ra là Tây Nam Bộ quá gần Thành phố Hồ Chí Minh – hầu hết các tỉnh/thành phố của Tây Nam Bộ đều nằm trong vòng bán kính 300 km của Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy không có quy chuẩn chính thức nhưng khoảng cách trên thường được xem là vùng phụ cận của các siêu đô thị (như Thành phố Hồ Chí Minh đang hướng tới). Điều này có nghĩa là, với quan điểm phát triển hiện đại, nếu không có các chính sách phát triển đột phá thì các tỉnh Tây Nam Bộ rất dễ trở thành “một phần” của siêu “đô thị” Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động đáng kể nhất của biến đổi khí hậu. Ở Việt Nam, Tây Nam Bộ lại là khu vực hứng chịu nhiều thiệt hại nhất. Theo một số kịch bản tiêu cực về hiện tượng nước biển dâng và xâm nhập mặn, gần một nửa diện tích đất của vùng sẽ chìm dưới mực nước biển trong vài thập kỉ tới. Trong khi đó, hiện tượng xâm nhập mặn cùng xu hướng thời tiết bất thường đã gây ra những thiệt hại nặng nề cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của vùng trong nhiều năm gần đây.

Tuy được hỗ trợ rất lớn từ cả Chính phủ và các tổ chức quốc tế để ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu nhưng sự hỗ trợ đó không mang lại nhiều hiệu quả. Bởi, đây là một hiện tượng toàn cầu và rất khó để đảo ngược.

III. KẾT LUẬN

Tuy Tây Nam Bộ là vùng có rất nhiều tiềm năng để phát triển nhưng thực tế vùng này lại đang có xu hướng tụt hậu so với các vùng khác của Việt Nam. Nguyên nhân một phần là do những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Tuy biến đổi khí hậu gây ra những khó khăn và thiệt hại quá lớn nhưng chúng ta vẫn chưa có giải pháp chống chọi hiệu quả. Bên cạnh đó, sự khan hiếm nguồn lực, đầu tư công hạn chế khiến vùng không đủ nguồn

lực để phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu. Vì vậy, vùng Tây Nam Bộ chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp vào đầu tư. Kết quả là hệ thống doanh nghiệp của vùng khá ít ỏi và thiếu hụt các doanh nghiệp FDI. Việc xuất cư rông khiến vùng thiếu nguồn lao động để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Đây cũng là một rào cản lớn cho sự phát triển của Tây Nam Bộ.

LỜI CẢM ƠN

Bài báo là sản phẩm của Đề tài cấp Nhà nước: “Giải pháp phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới”, mã số KHCN-TNB.ĐT/14-19/X15, do PGS.TS. Vũ Hùng Cường làm chủ nhiệm, Viện Thông tin Khoa học Xã hội chủ trì thực hiện năm 2018 – 2020, thuộc Chương trình Tây Nam Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Võ Hùng Dũng. *Kinh tế Đồng bằng Sông Cửu Long 2001-2011 (tập 1)*. Thành phố Cần Thơ: Nhà Xuất bản Đại học Cần Thơ; 2012.
- [2] Nguyễn Trọng Minh. Hoạt động kinh tế đối ngoại – động lực phát triển Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ hội nhập. Trong *Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam học lần thứ III*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; 2011.
- [3] Tổng cục Thống kê. *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2020.
- [4] Tổng cục Thống kê. *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2018*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2018.
- [5] Tổng cục Thống kê. *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2012.
- [6] Tổng cục Thống kê. *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2019.
- [7] Tổng cục Thống kê. *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2008*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2009.
- [8] Tổng cục Thống kê. *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2016.
- [9] Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang. *Niên giám thống kê tỉnh Kiên Giang các năm 2013, 2016, 2019*. Nhà Xuất bản Thống kê;
- [10] Cục Thống kê thành phố Cần Thơ. *Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ các năm 2013, 2016, 2019*. Nhà Xuất bản Thống kê;
- [11] Cục Thống kê tỉnh Long An. *Niên giám thống kê tỉnh Long An các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;

- [12] Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh. *Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [13] Cục Thống kê tỉnh Bến Tre. *Niên giám thống kê tỉnh Bến Tre các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [14] Cục Thống kê tỉnh Cà Mau. *Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [15] Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long. *Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [16] Cục Thống kê tỉnh An Giang. *Niên giám thống kê tỉnh An Giang các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [17] Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng. *Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [18] Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang. *Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [19] Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang. *Niên giám thống kê tỉnh Hậu Giang các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [20] Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp. *Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [21] Cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu. *Niên giám thống kê tỉnh Bạc Liêu các năm 2013, 2016, 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê;
- [22] Trần Khánh Hưng. Thực trạng phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân và các vấn đề đặt ra dưới góc độ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ. Trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới*. Thành phố Cần Thơ, 2020.
- [23] Ngân hàng Thế giới. *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam: Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật*. 2011.
- [24] Lê Thị Kim Oanh, Huỳnh Thị Ngọc Tuyết. *Bước đầu nghiên cứu về di dân trong bối cảnh biến đổi khí hậu và khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng ở Thành phố Hồ Chí Minh*. 2016. Truy cập từ: <http://cesti.gov.vn/tai-lieu/230952/4/-Bước-đầu-nghiên-cứu-về-di-dân-trong-bối-cảnh-biến-đổi-khí-hậu-và-khả-năng-đáp-ứng-của-cơ-sở-hạ-tầng-ở-thành-phố-Hồ-Chí-Minh> Trường-Đại-học-Văn-Lang-TP-HCM;-Lê-Thị-Kim-Oanh;-Huỳnh-Thị-Ngọc-Tuyết [Ngày truy cập: 29/8/2020].